

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 92/2019/DS-ST
Ngày: 02-7-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Trong 02 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 322/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 89/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Huyền Tr, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp Mỹ P, xã VC, thành phố CD, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Phan Văn P, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp TL, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình hòa giải, xét xử, nguyên đơn bà Huỳnh Huyền Tr trình bày:

Bà với bà Lương Thị Hằng H là chỗ quen biết, qua sự giới thiệu của bà CD, bà có cho Phan Văn P vay nhiều lần số tiền 60.000.000 đồng, với lãi suất 5%/tháng, thỏa thuận bằng lời nói, đóng lãi được 05 tháng với số tiền 3.500.000 đồng thì ngưng không đóng lãi và cũng không trả vốn.

Nhiều lần bà nhờ bà H đòi tiền P giùm, nhưng P không trả, hèn lần hèn lựa, bà cũng trực tiếp đến đòi nợ P, nhưng P cũng hứa hèn rồi không trả, nên ngày 15 tháng 9 năm 2017 bà có yêu cầu P ký giấy cho vay tiền. Sau khi ký giấy cho vay bà có đòi nợ P nhiều lần nhưng P vẫn không trả.

Nay bà yêu cầu Phan Văn P phải trả bà số tiền 60.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 15/6/2018 đến ngày 15/12/2018 là 06 tháng với mức lãi suất là 1,66%/tháng, thành tiền là 5.976.000 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 65.976.000 đồng.

Bị đơn ông Phan Văn P vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 60.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật, thành tiền là 10%/năm x 01 năm 17 ngày x 60.000.000 đồng = 6.258.200 đồng. Tổng cộng vốn, lãi 66.258.200 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Thẩm phán tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn không đảm bảo thời hạn quy định pháp luật; vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng Chánh án không ban hành Quyết định gia hạn thời gian chuẩn bị xét xử, kiến nghị khắc phục.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn ông Phan Văn P Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, coi như ông P đã từ bỏ quyền của mình, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Huỳnh Huyền Tr có cho Phan Văn P vay nhiều lần số tiền 60.000.000 đồng. Sau khi vay ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà Tr yêu cầu ông P lập giấy cho vay tiền có ký tên và điểm chỉ vào ngày 15 tháng 9 năm 2017. Lập giấy vay tiền xong ông P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bà Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông P phải trả nợ vốn, lãi tính từ ngày 15/6/2018 đến ngày 02/7/2019 là 66.258.200 đồng.

Xét việc vay tiền của bà Tr với ông P, có lập thành văn bản có ký tên và điểm chỉ. Việc giao kết hợp đồng của các bên là tự nguyện thỏa thuận, Qua đó thể hiện việc xác lập hợp đồng vay giữa Tr và P là thực tế xảy ra. Tuy nhiên, nội dung trong giấy cho vay tiền mà các bên ký kết không ghi lãi suất, không thời hạn. Do đó, đây là loại hợp đồng vay không lãi, không thời hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên chị Tr yêu cầu ông P trả vốn và lãi theo mức 10%/năm, trên số tiền vốn gốc, từ thời điểm ký hợp đồng vay là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đề

ngợi Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông P phải trả cho bà Tr số tiền vốn, lãi là 66.258.200 đồng.

Về án phí: Đề nghị đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Giấy cho vay tiền; Phiếu gửi chứng cứ; Biên bản xác minh ngày 07/5/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng vay tài sản; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn ông Phan Văn P Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn vắng mặt không lý nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Huỳnh Huyền Tr cho Phan Văn P vay nhiều lần số tiền 60.000.000 đồng. Sau khi vay ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà Tr yêu cầu ông P lập giấy cho vay tiền có ký tên và điểm chỉ vào ngày 15 tháng 9 năm 2017. Ký giấy nợ xong ông P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông P phải trả nợ vốn, lãi từ ngày 15/6/2018 đến ngày 02/7/2019 là 66.258.200 đồng. Bị đơn không phản hồi ý kiến.

Về xác định chứng cứ trong vụ án: Bị đơn ông Phan Văn P Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án có nêu rõ nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn cùng các chứng cứ kèm theo giấy cho vay tiền có ký tên và điểm chỉ của ông P, nhưng ông P không khiếu nại, cũng không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình là giấy cho vay tiền.

Xét giao dịch vay tiền giữa các bên, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ giao dịch của các bên đương sự là hợp đồng vay tài sản, bên cho vay có giao tài sản cho bên vay, các bên có lập thành văn bản, có ghi số tiền vay, có ký tên và điểm chỉ, nhưng không ghi thời hạn vay và mức lãi suất. Do đó, có cơ sở xác định việc giao kết hợp đồng vay tài sản là có thực, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được pháp luật bảo vệ. Đối chiếu với quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn, vay không lãi. Ông P vay tiền nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ theo khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên nguyên đơn yêu cầu trả vốn số tiền vốn là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

Tuy nhiên, căn cứ khoản 4 Điều 466 quy định: “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”. Vậy mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 là 10%/năm, nguyên đơn yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi được tính cụ thể từ ngày 15/6/2018 đến ngày 02/7/2019 là 01 năm 17 ngày, trên số tiền 60.000.000 đồng.

$60.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ năm } 17 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 6.258.200 \text{ đồng}.$

Tổng cộng vốn, lãi là 66.258.200 đồng

[3] Về án phí:

Với yêu cầu được chấp nhận nguyên đơn được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bị đơn ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật trên số tiền bị buộc trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Huyền Tr đối với ông Phan Văn P.

Buộc ông Phan Văn P phải có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Huyền Tr số tiền 66.258.200 đồng (vốn 60.000.000 đồng, lãi 6.258.200 đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bà Huỳnh Huyền Tr được nhận lại 1.649.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010324 ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Phan Văn P phải chịu 3.312.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Giữ Nguyễn Hoàng Tuấn

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN C**
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phỉ